

Bản án số: **126** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02/5/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trịnh Duy L**, sinh năm 1978,

Địa chỉ: Số A ngõ H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1982,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số A T, khu H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1949, địa chỉ: Số A T, khu H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Anh L, chị H, bà H1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Trịnh Duy L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh

Hải Dương vào ngày 19/11/2007 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh. Sau khi sinh con, chị H chuyển nhà bố mẹ đẻ ở và thỉnh thoảng có qua lại nhà anh. Năm 2018, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến năm 2019 chị H cũng sang Đài Loan làm việc. Vợ chồng làm công ty khác nhau nên anh và chị H không chung sống cùng nhau, chỉ thi thoảng liên lạc. Do vợ chồng xa cách nên tình cảm không còn như trước, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 6/2023, anh và chị H không còn liên lạc với nhau, tháng 02/2024 anh về Việt Nam, chị H vẫn đang làm việc tại Đài Loan. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Trịnh Khánh L1, sinh ngày 25/9/2008. Hiện nay cháu đang ở với mẹ đẻ của chị H là bà Phạm Thị H1. Khi ly hôn anh đề nghị để chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian chị H đang ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu L1 cho bà Phạm Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Phạm Thị H1 (là mẹ của bị đơn) trình bày: Về thời điểm kết hôn như anh L trình bày là đúng. Chị H hiện nay đang làm việc tại Đài Loan nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Quá trình chung sống, bà không biết vợ chồng anh L và chị H mâu thuẫn như thế nào, nhưng chị H gọi điện về xác định vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra cãi vã. Chị H đã biết việc anh L có đơn xin ly hôn. Quan điểm của chị H xác định không còn tình cảm, vợ chồng không có sự quan nhau nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trịnh Khánh L1, sinh ngày 25/9/2008. Chị H có quan điểm đề nghị được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, chị H đang ở nước ngoài nên nhờ bà chăm sóc cháu L1 cho đến khi chị H về nước, bà nhất trí. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị H đang làm việc tại nước ngoài nên nhờ bà và chị H2 (là chị gái của chị H) nhận thay các văn bản tố tụng, bà và chị H2 nhất trí.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh L có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1 có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Trịnh Duy L được ly hôn với chị Phạm Thị H; Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trịnh Khánh L1, sinh ngày 25/9/2008 cho đến khi trưởng thành. Tạm giao cháu L1 cho bà Phạm Thị H1 (là mẹ chị H) nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trịnh Duy L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị H. Chị H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh L và gia đình chị H cung cấp địa chỉ, nhưng anh L và gia đình chị H không cung cấp được. Bà Phạm Thị H1, chị Phạm Thị H3 là mẹ đẻ và chị gái của chị H xác định chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà H1 đã thông báo về việc anh L có đơn xin ly hôn nhưng chị H không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh L, bà H1 đề nghị xin xét xử vắng mặt; chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; anh L có quan điểm xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L, chị H và bà H1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Duy L và chị Phạm Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/11/2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau một thời gian thì chị H về nhà bố mẹ đẻ đẻ sinh

sống. Anh L và chị H đều sang Đài Loan làm việc nhưng không chung sống cùng, không có sự quan tâm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nay anh L đã về Việt Nam có đơn xin ly hôn, thông qua gia đình chị H đã biết việc anh L có đơn xin ly hôn, có quan điểm của chị H nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L, chị H đã trầm trọng, không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh L được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh L và chị H có 01 con chung Trịnh Khánh L1, sinh ngày 25/9/2008, hiện nay cháu đang ở với bà Phạm Thị H1 (là mẹ đẻ của chị H). Anh L và chị H cùng có quan điểm để chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy, cần tôn trọng có nguyện vọng của con chung nên chấp nhận thỏa thuận của vợ chồng, giao chị H được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Khánh L1, sinh ngày 25/9/2008 cho đến khi trưởng thành. Chị H nhờ bà H1 chăm sóc cháu L1 trong thời gian chị đang làm việc ở nước ngoài. Do vậy, tạm giao cháu L1 cho bà Phạm Thị H1 (mẹ đẻ của chị H) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Anh Trịnh Duy L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Duy L được ly hôn với chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trịnh Khánh L1, sinh ngày 25/9/2008 thời gian tính từ tháng 5/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tạm giao cháu Trịnh Khánh L1 cho bà Phạm Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không ở Việt Nam.

Anh Trịnh Duy L được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trịnh Duy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000461 ngày 21/02/2024 (anh L đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh L, bà H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND tỉnh Hải Dương;
 - Cục THADS tỉnh Hải Dương;
 - UBND phường Quang Trung, TP. Hải Dương
- (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

